

Số: 12/2025/QĐST-DS

phóc

K, ngày 21 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 01 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 190/2024/TLST – DS ngày 22/11/2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ: Số A phố B, phường C, quận D, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông N Đ L - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông M X T – Chức vụ: Giám đốc khối Quản lý và tái cấu trúc tài sản (Theo văn bản ủy quyền số 10771/UQ-PVB, ngày 10/6/2020). Ủy quyền lại cho:

- Bà H V H – Chức vụ: Phó Giám đốc khối Quản lý và tái cấu trúc tài sản (Theo văn bản ủy quyền số 6681/UQ-PVB, ngày 01/4/2024)

- Ông T V D – Chức vụ: Giám đốc khách hàng Không tài sản bảo đảm – Phòng Quản lý khách hàng không tài sản bảo đảm – Khối Quản lý và tái cấu trúc tài sản

- Bà N T D – Chức vụ: ChuG Quản lý khách hàng – Phòng Quản lý khách hàng không tài sản bảo đảm – Khối Quản lý và tái cấu trúc tài sản (Theo văn bản ủy quyền số 22943/UQ-PVB ngày 10/10/2024)

Bị đơn: Ông H V H, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Số E F, thị trấn G, huyện K, thành phố Hà Nội

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số nợ:

Theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 919/2017/HĐTD/PVB-HO ngày 27/07/2017 và Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế PVcomBank Mastercard số 2018111610415264 TTD PVBHO ngày 16/11/2018 đã được ký kết giữa ông H V H và Ngân hàng A; tính đến ngày 13/01/2025, ông H V H còn nợ Ngân hàng A số tiền là 890.410.307 đồng (trong đó: Nợ gốc là: 96.648.799 đồng; Nợ lãi là: 272.373.322 đồng; Phí là: 521.388.186 đồng). Cụ thể theo từng khoản vay là:

- Khoản vay trả góp: Nợ gốc là: 71.661.000 đồng; Nợ lãi là: 94.589.240 đồng. Tổng cộng: 166.250.240 đồng.

- Khoản vay thẻ tín dụng: Nợ gốc là: 24.987.799 đồng; Nợ lãi là: 177.784.082 đồng; Nợ phí: 521.388.186 đồng. Tổng cộng: 724.160.067 đồng.

Khoản nợ của ông H V H nêu trên hiện nay vẫn thuộc Ngân hàng A, chưa bán nợ cho ai.

2.2. Về phương thức thanh toán:

Từ ngày 13/01/2025 đến hết ngày 13/7/2025 ông H V H phải thanh toán cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc và nợ lãi là 369.022.121 đồng, đồng thời ông H V H còn phải trả lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 919/2017/HĐTD/PVB-HO ngày 27/07/2017 và Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế PVcomBank Mastercard số 2018111610415264 TTD PVBHO ngày 16/11/2018 đã được ký kết giữa ông H V H và Ngân hàng A kể từ ngày 14/01/2025 cho đến ngày ngày 13/7/2025. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải

tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi ông H V H thanh toán cho Ngân hàng A số tiền nợ theo đúng thỏa thuận trên, Ngân hàng A sẽ miễn cho ông H V H tiền nợ phí 521.388.186 đồng và toàn bộ phí phát sinh kể từ ngày 14/01/2025 đến hết ngày 13/07/2025.

Trường hợp ông H V H vi phạm thỏa thuận trả số tiền nợ theo cam kết thanh toán trên thì Ngân hàng A sẽ không miễn tiền nợ phí cho ông H V H. Ông H V H phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ 890.410.307 đồng và số tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 919/2017/HĐTD/PVB-HO ngày 27/07/2017 và Đơn đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế PVcomBank Mastercard số 2018111610415264 TTD PVBHO ngày 16/11/2018 đã được ký kết giữa ông H V H và Ngân hàng A kể từ ngày 14/01/2025 cho đến ngày thực tế thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thứ tự thanh toán: Trừ hết vào nợ gốc trước, nợ lãi sau.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc thanh toán bằng tiền mặt tại bất cứ phòng dịch nào của Ngân hàng A.

Trường hợp ngày thanh toán nêu trên là ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì ngày trả nợ là ngày làm việc tiếp theo.

2.3. Về án phí:

Ông H V H phải chịu toàn bộ án phí vụ án dân sự sơ thẩm là 19.356.155 đồng.

Trả lại Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí là 16.696.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0065632 ngày 21/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKND huyện K;
- VKSND. TP Hà Nội;
- TAND. TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

THẨM PHÁN**Tạ Thị Ngân**